

Bản án số: 38/2024/DS-ST

Ngày: 06-5-2024

"V/v Tranh chấp hợp đồng
góp hui"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thanh Nguyên

2. Ông Hà Minh Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2024 về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2024/QĐST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị K, sinh ngày 03 tháng 10 năm 1991 (có mặt);

Địa chỉ: ấp TQ, xã Đ, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Chị Lâm Thị C, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp NQ, xã Đ, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 16/11/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị K trình bày và yêu cầu như sau:

Chị có tham gia góp hội do chị Lâm Thị C làm chủ 02 dây như sau: Dây hội mở ngày 09/6/2022 âm lịch, loại hội 1.000.000 đồng, gồm có 34 phần, chị tham gia góp 01 phần, mỗi tháng mở 02 lần vào ngày 09 và ngày 22 hàng tháng, hội có hoa hồng 1.000.000 đồng thì trả cho chủ hội 500.000 đồng tiền hoa hồng, chị góp được 31 lần hội sống thì chị Lâm Thị C tuyên bố bế hội (tháng 7/2023) không góp nữa, ngày mãn hội 22/10/2023, theo hội được lĩnh là 31.000.000 (31 lần x 1.000.000 đồng), trừ tiền hoa hồng 500.000 đồng, chị nhận số tiền là 30.500.000 đồng, chị Lâm Thị C trả cho chị được 4.000.000 đồng, còn nợ lại chị số tiền là 26.500.000 đồng; Dây hội mở ngày 05/3/2023 âm lịch, loại hội 2.000.000 đồng, gồm có 30 phần chị tham gia góp 01 phần, mỗi tháng mở 02 lần vào ngày 05 và ngày 20 hàng tháng, hội có hoa hồng 2.000.000 đồng thì trả cho chủ hội 1.000.000 đồng tiền hoa hồng, chị góp hội sống được 11 lần thì chị Lâm Thị C tuyên bố bế hội, số tiền hội góp vào 16.490.000 đồng, theo hội sống được lĩnh là 22.000.000 đồng (11 lần x 2.000.000 đồng), trừ tiền hoa hồng 1.000.000 đồng, chị lĩnh số tiền là 21.000.000 đồng. Nay chị yêu cầu chị Lâm Thị C phải trả cho chị tổng số tiền hội 02 dây hội là 47.500.000 đồng (26.500.000 đồng + 21.000.000 đồng), trả trong vòng 05 tháng, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Lâm Thị C trình bày như sau:*

Chị thừa nhận chị có làm chủ hội từ năm 2021 nhằm mục đích làm phát triển kinh tế gia đình nhưng trong quá trình làm chủ hội các hội viên không góp hội, đến tháng 7/2023 âm lịch thì chị tuyên bố bế hội không góp nữa, trong quá trình làm chủ chị không có đăng ký ở chính quyền địa phương, có lập danh sách hội gửi cho các hội viên tham gia 01 danh sách phô tô để hội viên theo dõi, chị Nguyễn Thị K có tham gia góp 02 dây hội như sau: Dây hội mở ngày 09/6/2022 âm lịch, loại hội 1.000.000 đồng, gồm có 34 phần chị Nguyễn Thị K tham gia góp 01 phần, mỗi tháng mở 02 lần vào ngày 09 và ngày 22 hàng tháng, hội có hoa hồng 1.000.000 đồng thì chị thu 500.000 đồng tiền hoa hồng, chị Nguyễn Thị K góp được 31 lần hội sống thì chị tuyên bố bế hội (tháng 7/2023) không góp nữa, ngày mãn hội 22/10/2023, theo hội vốn góp vào là 20.150.000 đồng, hội được lĩnh là 31.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 500.000 đồng còn lại là 30.500.000 đồng, sau đó chị có trả cho chị Nguyễn Thị K được 4.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền là 26.500.000 đồng; Dây hội mở ngày 05/3/2023 âm lịch, loại hội 2.000.000 đồng, gồm có 30 phần chị tham gia góp 01 phần, mỗi tháng mở 02 lần vào ngày 05 và ngày 20 hàng tháng, hội có hoa hồng 2.000.000 đồng thì chị thu 1.000.000 đồng tiền hoa hồng, chị Nguyễn Thị K góp hội sống được 11 lần

thị chị tuyên bố bế hội, ngày mãn hội 05/5/2025 âm lịch. Số tiền sống góp vào là 16.490.000 đồng, hội được lĩnh là 22.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 1.000.000 đồng, còn lại là 21.000.000 đồng. Tổng 02 dây hội chị còn nợ chị Nguyễn Thị K số tiền hội được lĩnh là 47.500.000 đồng, nay chị đồng ý trả cho chị Nguyễn Thị K số tiền vốn góp vào số tiền là 42.990.000 đồng, chị hẹn mỗi tháng trả 500.000 đồng cho đến khi hết số nợ nói trên, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm:* Đơn yêu cầu của chị Nguyễn Thị K (Bản chính); Sổ hội ngày 09/6/2022 (ÂL) và Danh tham gia góp hội ngày 05/3/2023 (Bản phô tô); Phiếu thực hiện hòa giải cơ sở ngày 31/10/2023 của ấp Nam Quý (Bản chính); Biên bản hòa giải ngày 31/10/2023 của ấp Nam Quý (Bản chính); Xác nhận thông tin về cư trú chị Nguyễn Thị K ngày 15/11/2023 của Công an xã Đ (Bản chính); Căn cước công dân tên Nguyễn Thị K (Bản phô tô).

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị K yêu cầu chị Lâm Thị C trả cho chị theo hội được lĩnh số tiền hội là 47.500.000 đồng, trả trong vòng 5 tháng, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Lâm Thị C vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký thực hiện các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét khởi kiện của chị Nguyễn Thị K yêu cầu chị Lâm Thị C trả cho chị số tiền hội theo được lĩnh còn nợ là 47.500.000 đồng là có căn cứ chấp nhận phù hợp quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị K khởi kiện yêu cầu bị đơn chị Lâm Thị C trả tiền hội còn nợ. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại: xã Đ, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An

Biên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi hòa giải không thành, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho chị Nguyễn Thị K và chị Lâm Thị C nhưng chị Lâm Thị C vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Đồng thời, tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn chị Nguyễn Thị K không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn chị Lâm Thị C theo quy định tại khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét về hợp đồng góp hụi giữa chị Nguyễn Thị K và chị Lâm Thị C xác lập các ngày 09/6/2022 âm lịch và ngày 05/3/2023 âm lịch bằng lời nói, hụi có lãi và có hoa hồng, không thỏa thuận bằng văn bản, không công chứng, chứng thực sổ hụi, không ghi sổ giấy chứng minh nhân dân hoặc sổ căn cước công dân; ngày tháng năm sinh, lãi suất trong hụi có lãi; quyền và nghĩa vụ của chủ hụi là thực hiện chưa đúng hình thức và nội dung theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về hụi, biêu, phường, nay xảy ra tranh chấp, yêu cầu giải quyết, được xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 25 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về hụi, biêu, phường.

Xét khởi kiện của chị Nguyễn Thị K yêu cầu chị Lâm Thị C trả cho chị số tiền hụi được lĩnh là 47.500.000 đồng và trả trong thời hạn 05 tháng hết số tiền nói trên; chị Lâm Thị C thừa nhận chị còn nợ tiền hụi chị Nguyễn Thị K theo hụi vốn góp vào là 42.990.000 đồng, theo hụi được lĩnh số tiền hụi là 47.500.000 đồng và chị đồng ý trả cho chị Nguyễn Thị K hụi vốn góp vào là 42.990.000 đồng, chị xin bớt tiền lãi hụi sống chênh lệch là 4.510.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, qua trình bày và yêu cầu của đương sự cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cụ thể sổ hụi ngày 09/6/2022 âm lịch và danh tham gia góp hụi ngày 05/3/2023 âm lịch xác định được, chị Nguyễn Thị K tham gia góp hụi do chị Lâm Thị C làm chủ là có thật và thuộc trường hợp một bên đương sự thừa nhận theo quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, do đó có cơ sở chấp nhận xem xét.

Xét trình bày của chị Lâm Thị C, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị Lâm Thị C đồng ý trả cho chị Nguyễn Thị K hụi vốn góp vào là 42.990.000 đồng, chị Lâm Thị C xin bớt tiền lãi hụi sống chênh lệch là 4.510.000 đồng nhưng chị Nguyễn Thị K không đồng ý mà yêu cầu chị Lâm Thị

C trả cho chị số tiền hội được lĩnh là 47.500.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, chủ hội là người tổ chức, quản lý dây hội, thu và giao các phần hội đó cho thành viên được lĩnh hội trong mỗi kỳ mở hội cho đến khi kết thúc dây hội, không phải là người nộp phần lãi nên việc chị Lâm Thị C xin bớt tiền lãi hội sống chênh lệch 4.510.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận. Ngoài ra, chị Nguyễn Thị K không yêu cầu trả tiền lãi chậm trả nên không xem xét.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị K, buộc chị Lâm Thị C phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị K số tiền hội được lĩnh là 47.500.000 đồng theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự, khoản 3, khoản 4 Điều 18 và khoản 1 Điều 23 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về họ, hội, biểu, phường.

[4] Về án phí, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 7, Điều 8, điểm c khoản 1 Điều 11, khoản 3, khoản 4, khoản 8 Điều 18, khoản 1 Điều 23 và khoản 1 Điều 25 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về họ, hội, biểu, phường;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị K, buộc chị Lâm Thị C phải trả cho chị Nguyễn Thị K số tiền hụi được lĩnh là 47.500.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Buộc chị Lâm Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.375.000 đồng (47.500.000 đồng x 5%).

Chị Nguyễn Thị K không phải chi án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị Nguyễn Thị K tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.225.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009176 ngày 19/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án 06/5/2024. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- CC THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA (Kiều).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thảo